

Bản án số 69/2025/DS-PT

Ngày 01 – 4 – 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

- Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26-3-2025 và 01-4-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 15-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH MTV T1**, trụ sở: Số C đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mai P, chức vụ: Giám đốc Công ty; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc H; sinh năm 2001; địa chỉ: 1 T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy ủy quyền của Giám đốc công ty; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thu H1; Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: 1 T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Jeong Y**, sinh năm 1983; vắng mặt;

Bà **Phạm Thị Thanh U**, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số G đường L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thanh U: Bà Đỗ Thanh H2; sinh năm 1996 và bà Võ Chi N; sinh năm 1999; cùng địa chỉ: A Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy ủy quyền lập ngày 17-12-2024 tại Văn phòng C; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty TNHH W**, trụ sở: Số B đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T; địa chỉ: F T, quận L, thành phố Đà Nẵng; theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 25-12-2024 của Giám đốc công ty; vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Ông Jeong Y và bà Phạm Thị Thanh U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Công ty TNHH MTV T1 có người đại diện hợp pháp trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Khoảng đầu năm 2022, vợ chồng bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y có làm việc với Công ty TNHH MTV T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) và thống nhất việc Công ty T1 sẽ thi công nội thất các tầng 1, 2, 4, 5 của căn nhà B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Theo đó giữa các bên có ký kết 02 hợp đồng thi công, cụ thể:

Ngày 04-4-2022 Công ty T1 ký với bà Phạm Thị Thanh U hợp đồng thi công nội thất số 04/04/2022/HĐXD/MN về việc thi công nội thất tầng 1 và tầng 5 tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Giá trị của Hợp đồng này là 600.000.000đ. Giá trị phát sinh theo báo giá là 189.625.000đ).

Bà U đã thanh toán được 600.000.000đ. Không thanh toán phần phát sinh vì cho rằng báo giá phát sinh là không phù hợp.

Ngày 24-5-2022 Công ty T1 ký với ông J Yunju hợp đồng số 24-5-2022/HĐXD/MN về việc thi công nội thất tầng 2 và tầng 4 tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Tổng giá trị hợp đồng là 837.214.000đ. Giá trị phát sinh theo báo giá là 183.159.000đ).

Ông Jeong Y đã thanh toán 655.738.000đ, chưa thanh toán phần còn lại của hợp đồng là 181.476.000đ và phần phát sinh theo báo giá ông Jeong Y cũng cho rằng báo giá phát sinh là không phù hợp.

Các công trình này đã hoàn thành đầy đủ các hạng mục, các bên tham gia hợp đồng đã ký kết biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhưng chủ đầu tư là bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U và ông Jeong Y phải thanh toán tiền phát sinh từ các hợp đồng nói trên và lãi chậm thanh toán tương ứng. Cụ thể:

1/ Buộc bà Phạm Thị Thanh U phải thanh toán 189.625.000đ tiền gốc và tiền lãi chậm thanh toán là 39.821.250đ.

2/ Buộc ông Jeong Y phải thanh toán 364.635.000đ tiền gốc (gồm 181.476.000đ chưa thanh toán và 183.159.000đ tiền phát sinh) cùng với tiền lãi chậm thanh toán là 76.573.350đ.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y cùng với đại diện nguyên đơn đều thống nhất phương án trung cầu Công ty TNHH T2 thực hiện việc thẩm định đối với phần giá trị phát sinh của các hợp đồng (Theo thông tin chi tiết các bên ghi nhận tại các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành) để làm cơ sở cho việc thanh toán. Theo đó ngày 28-5-2024 Tòa án có Quyết định số 20/2024/QĐ-TĐG, trung cầu Công ty TNHH T2 là đơn vị thực hiện việc thẩm định giá đối với toàn bộ danh mục phát sinh được các bên xác nhận để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Chứng thư thẩm định giá số 74/CT-TĐG-DNVC ngày 27-6-2024 của Công ty TNHH T2 kết luận:

- Giá trị phát sinh đối với Hợp đồng 04/04/2022/HĐXD/MN (Ký với bà U) là 230.598.500đ. Trong đó, giá trị phần phát sinh của tầng 1 là 134.384.000đ; giá trị phần phát sinh của tầng 5 là 96.214.500đ.

- Giá trị phát sinh đối với Hợp đồng 24-5-2022/HĐXD/MN (Ký với ông Jeong Y) là 188.179.750đ. Trong đó, giá trị phần phát sinh của tầng 2 là 100.273.750đ; giá trị phần phát sinh của tầng 4 là 87.906.000đ.

Do đó, Công ty T1 đề nghị Tòa án tính phần phát sinh theo giá trị chứng thư thẩm định giá số 74/CT-TĐG-DNVC ngày 27-6-2024. Số tiền đề nghị thanh toán cụ thể:

1/ Đối với Phạm Thị Thanh U: Đề nghị thanh toán số tiền chi phí phát sinh tổng cộng là 230.598.500đ. Về lãi suất chậm thanh toán tại phiên tòa nguyên đơn xin rút, không tiếp tục yêu cầu.

2/ Đối với ông Jeong Y, Công ty đề nghị thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng là 181.476.000đ, số tiền phát sinh của hợp đồng là 188.179.750đ. Về lãi suất, Công ty đề nghị tính lãi suất phát sinh theo mức 9%/năm trên số tiền còn lại của Hợp đồng tính từ ngày 10-8-2022 là $[181.476.000đ \times 9\% \times 725 \text{ ngày}] = 32.441.942đ$, xin rút đối với yêu cầu về lãi suất trên số tiền phát sinh.

Tổng cộng Công ty T1 đề nghị bà U phải thanh toán là 230.598.500đ, ông Jeong Y phải thanh toán là 402.097.692đ.

** Bị đơn - bà Phạm Thị Thanh U có người đại diện hợp pháp trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Bà Phạm Thị Thanh U xác nhận vào ngày 04-4-2022 bà với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH W có ký với Công ty T1 hợp đồng số 04/04/2022/HĐXD/MN; Ngày 24-5-2022 với tư cách là thành viên góp vốn của Công ty TNHH W, ông Jeong Y có ký với Công ty T1 hợp đồng số 24/5/2022/HĐXD/MN để thi công nội thất cho Công ty TNHH W.

Quá trình làm việc sau đó cũng như tại biên bản hòa giải ngày 13-5-2024 người đại diện theo ủy quyền của ông Jeong Y và bà Phạm Thị Thanh U đều thống nhất việc ký kết hợp đồng với Công ty T1, cụ thể:

1/ Hợp đồng số 04/04/2022/HĐXD/MN ngày 04-4-2022 về việc thi công nội thất tầng 1 và tầng 5 tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng giữa bà Phạm Thị Thanh U với Công ty T1.

2/ Hợp đồng số 24/5/2022/HĐXD/MN ngày 24-5-2022 về việc thi công nội thất tầng 2 và tầng 4 tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng giữa ông Jeong Y với Công ty T1.

Đồng thời các bên đều xác nhận hiện nay công trình thi công đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, các bên đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành tương ứng (*ng nghiệm thu tầng 1, 5 ký giữa bà Phạm Thị Thanh U với Công ty T1 theo biên bản ngày 05-8-2022; nghiệm thu tầng 2, 4 giữa ông Jeong Y với Công ty T1 theo biên bản ngày 04-8-2022*). Xác nhận khối lượng “*Phân phát sinh*” tương ứng theo các biên bản đã được ký kết. Do không thống nhất với nhau về giá trị phân phát sinh nên đại diện theo ủy quyền của các bị đơn đồng ý với việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá là Công ty TNHH T2; Trụ sở: 39 B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng tiến hành thẩm định giá đối với danh mục, khối lượng thi công phát sinh theo các biên bản nghiệm thu của từng hợp đồng để làm căn cứ cho việc thanh toán.

Ngày 27-6-2024 Công ty TNHH T2 phát hành Chứng thư thẩm định giá số 74/CT-TĐG-DNVC kết luận về giá trị phân phát sinh các hạng mục như đề cập trên đây.

Tại phiên hòa giải ngày 15-7-2024 đại diện theo ủy quyền của cả bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y đều cho rằng bà U ký hợp đồng là với tư cách đại diện (Giám đốc) Công ty TNHH W; ông Jeong Y ký hợp đồng với tư cách là thành viên góp vốn của Công ty TNHH W do đó không phát sinh trách nhiệm cá nhân. Nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn lại xác định các hợp đồng số 04/04/2022/HĐXD/MN ngày 04-4-2022 và số 24-5-2022/HĐXD/MN ngày 24-5-2022 được ký kết là đúng về chủ thể (*cá nhân bà U, ông Jeong Y với Công ty T1*), không có ý kiến gì về tính pháp lý của hợp đồng nhưng cho rằng tại thời điểm ký hợp đồng Công ty T1 không cung cấp bảng giá các hạng mục và vật tư, hai bên chưa thống nhất được giá tại thời điểm nghiệm thu công trình; Tại biên bản nghiệm thu chủ đầu tư đã ghi “*đề nghị phía nhà thầu thi công gửi toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc thi công tòa nhà*” nhưng phía Công ty T1 không thực hiện nên không có cơ sở để thanh toán.

Mặt khác theo Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22-4-2015 của Chính phủ đây là các hợp đồng trọn gói, nên chủ đầu tư không thanh toán phần khối lượng phát sinh. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 15-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 271; Điều 273; Điều 217; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 351; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 144 Luật xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

I/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 về việc tính lãi trên đơn giá phát sinh của hợp đồng thi công.

II/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 đối với bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y về việc tranh chấp hợp đồng thi công.

1/ Buộc bà Phạm Thị Thanh U phải trả Công ty TNHH MTV T1 số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thi công là 230.598.500đ.

2/ Buộc ông Jeong Y phải trả Công ty TNHH MTV T1 số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thi công là 402.097.692đ. Trong đó tiền chi phí phát sinh là 188.179.750đ, tiền nợ hợp đồng là 181.476.000đ, lãi suất phát sinh là 32.441.942đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí: Công ty TNHH MTV T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 15.413.000đ.

Buộc bà Phạm Thị Thanh U phải chịu 11.529.925đ.

Buộc ông Jeong Y phải chịu 20.083.907đ.

4/ Về chi phí thẩm định giá tài sản là 14.000.000đ, Công ty TNHH MTV T1 đã nộp và chi xong. Buộc bà Phạm Thị Thanh U phải trả lại cho Công ty TNHH MTV T1 7.700.000đ; Buộc ông Jeong Y phải trả lại cho Công ty TNHH MTV T1 6.300.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

**** Đơn kháng cáo:***

Ngày 29-8-2024, Bị đơn - ông Jeong Y và bà Phạm Thị Thanh U có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh U và hủy một phần bản án sơ thẩm giao về cho Tòa án sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể như sau: Các bên không thống nhất được giá trị các hạng mục phát sinh nên đã trưng cầu thẩm định giá. Tại biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ghi nhận: *“Tất cả điều hòa của các tầng đều đã qua sử dụng”*, không thể hiện nội dung các máy điều hòa được sản xuất năm nào nhưng Chứng thư thẩm định giá lại kết luận: *“Tổng giá trị thị trường ước tính đối với Chi phí thiết kế thi công công trình nội thất và giá trị các thiết bị, vật dụng mới 100%”*. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nội dung các Thông báo số 03-12/9/2022/MN ngày 12-9-2022 và Thông báo số: 07-28/12/2022/MN ngày 28-12-2022 của Công ty T1 gửi cho bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH W đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự này.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thanh U thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nhưng về lý do kháng cáo thì giữ nguyên như đã nêu tại đơn kháng cáo.

Lý do kháng cáo là bị đơn đã cung cấp Thông báo thu hồi các hạng mục phát sinh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét kỹ lưỡng; bản án sơ thẩm dựa trên chứng thư thẩm định giá mà không xem xét các hạng mục đã thu hồi, không còn giá trị thực tế; Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng đúng quy định pháp luật về hợp đồng xây dựng và thanh toán theo khối lượng thực tế.

[1.3] Phần quyết định của bản án sơ thẩm về “Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 về việc tính lãi trên đơn giá phát sinh

của hợp đồng thi công.” Không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét Đơn kháng cáo:

[2.1] Ngày 04-4-2022, Công ty T1 và bà Phạm Thị Thanh U ký kết hợp đồng thi công nội thất số 04/04/2022/HĐXD/MN về việc thi công nội thất tầng 1 và tầng 5 tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp đồng này là 600.000.000đ, bà U đã thanh toán đủ. Công ty T1 thi công thêm phần phát sinh có giá trị theo báo giá là 189.625.000đ, nhưng bà U không thanh toán.

Ngày 24-5-2022, Công ty T1 và ông Jeong Y ký kết hợp đồng số 24-5-2022/HĐXD/MN về việc thi công nội thất tầng 2 và tầng 4 tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp đồng này là 837.214.000đ, ông Jeong Y đã thanh toán 655.738.000đ, chưa thanh toán phần còn lại là 181.476.000đ. Công ty T1 thi công thêm phần phát sinh có giá trị theo báo giá là 183.159.000đ, nhưng ông Jeong Y không thanh toán.

Sau khi Công ty T1 thi công xong phần trong hợp đồng và phần phát sinh ngoài hợp đồng thì đã gửi văn bản yêu cầu thanh toán nhưng bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y đã phản hồi bằng văn bản về việc không đồng ý với đơn giá và chất lượng sản phẩm phần còn lại trong hợp đồng của công ty với ông Jeong Y và trong phần thi công phát sinh của cả hai hợp đồng.

Do đó Công ty T1 khởi kiện tranh chấp với bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y về hợp đồng thi công.

[2.2] Tại giai đoạn tố tụng sơ thẩm, bà Phạm Thị Thanh U và ông Jeong Y vẫn trình bày không đồng ý với đơn giá và chất lượng sản phẩm nên Toà án cấp sơ thẩm đã trưng cầu thẩm định giá, xác định giá trị phần phát sinh để làm cơ sở thanh toán là phù hợp.

Tuy nhiên, tại Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đối với hạng mục công trình tầng 5 của tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng ghi nhận: *“Tất cả điều hòa của các tầng đều đã qua sử dụng”* nhưng Chứng thư thẩm định giá số 74/CT-TĐG-DNVC ngày 27-6-2024 của Công ty TNHH T2 tại mục 9 kết luận: *“Tổng giá trị thị trường ước tính đối với Chi phí thiết kế thi công công trình nội thất và giá trị các thiết bị, vật dụng mới 100%”* là hoàn toàn không phù hợp với thực tế, mâu thuẫn với nội dung tại các Biên bản nghiệm thu.

Như vậy, các bên có tranh chấp về đơn giá và chất lượng sản phẩm nhưng Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ; cũng không trưng cầu thẩm định giá tài sản tranh chấp thực tế tại công trình mà chỉ trưng cầu thẩm định giá trên bản phô tô các “Biên bản nghiệm thu phần phát sinh” mà nguyên đơn cung cấp để xác định giá trị phần còn lại trong hợp đồng của Công ty T1 với ông Jeong Y và giá trị phần thi công phát sinh của cả hai hợp đồng là không đủ căn cứ pháp lý và thực tiễn. Đối với bản chính của các

“Biên bản nghiệm thu phần phát sinh” này phía bị đơn mới xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm.

Đồng thời, sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ công trình tòa nhà tại địa chỉ B T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thì thấy các tài sản hiện nay không đúng, không đầy đủ so với các “Biên bản nghiệm thu phần phát sinh”, một phần thì không xem xét được do bị đơn cho người nước ngoài thuê và họ đã về nước, khóa cửa.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã cung cấp “Thông báo thu hồi các hạng mục phát sinh” ngày 28-12-2022 của Công ty T1 gửi cho ông Jeong Y. Phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn cung cấp thêm “Thông báo” ngày 12-8-2022 cũng nội dung thu hồi các hạng mục phát sinh của Công ty T1 gửi cho bà Phạm Thị Thanh U. Vấn đề này Tòa án sơ thẩm chưa đề cập đến, chưa làm rõ nội dung phần thi công phát sinh ngoài hợp đồng do ai quản lý, sử dụng; trách nhiệm của các bên như thế nào đối với tài sản khi chưa thanh toán; có việc tặng cho, khuyến mãi một số tài sản hay không và tài sản có bị Công ty T1 thu hồi theo các thông báo đã gửi cho chủ đầu tư hay không?

[2.4] Như vậy, việc bị đơn kháng cáo là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc không tiến hành các thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ; không trưng cầu thẩm định giá tài sản tranh chấp thực tế tại công trình và chưa làm rõ về việc các nội dung theo Thông báo thu hồi tài sản. Đây là những vi phạm mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung; thu thập, làm rõ các thông tin cần thiết liên quan đến tài sản tranh chấp và trưng cầu thẩm định giá tài sản tranh chấp thực tế (có cân đối với giá trị tài sản hao mòn tự nhiên do quá trình sử dụng từ năm 2022 đến nay).

[3] Người kháng cáo - ông Jeong Y được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt nên được xem là từ bỏ kháng cáo theo Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên do hủy một phần bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không đình chỉ giải quyết kháng cáo của ông Jeong Y mà giao Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông Jeong Y và bà Phạm Thị Thanh U không phải chịu do được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 275; Điều 351; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 144 Luật xây dựng;

- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 15-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng về: “Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 về việc tính lãi trên đơn giá phát sinh của hợp đồng thi công.” có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận một phần Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh U;

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 15-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Jeong Y và bà Phạm Thị Thanh U không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Jeong Y và bà Phạm Thị Thanh U số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003388 ngày 04-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn xét xử phúc thẩm 3.000.000 đồng người kháng cáo bà Phạm Thị Thanh U phải chịu, đã nộp đủ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Ngũ Hành Sơn, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Ngũ Hành Sơn, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai